

Nghệ An, ngày 15 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ vào điều 32, 33, 34, 35 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào điều 55; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị B.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện, ngày 26 tháng 9 năm 2025 về việc yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn A.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải, ngày 29 tháng 9 năm 2025, về việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

1. *Người khởi kiện:* Anh **Nguyễn Văn A**, sinh ngày x tháng x năm 19xx; nơi ĐHKHKT: Xóm 7, xã X, tỉnh Nghệ An. Căn cước công dân số xxxx do Bộ công an cấp ngày xx tháng xx năm 20xx.

2. *Người bị kiện:* Chị **Nguyễn Thị B**, sinh ngày xx tháng xx năm 19xx; nơi ĐHKHKT: Xóm 7, xã X, tỉnh Nghệ An. Căn cước công dân số xxxx do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày x tháng xx năm 202x.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26 tháng 9 năm 2025, có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26 tháng 9 năm 2025, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị B.

1.2. Về con chung: Vợ chồng có con chung Nguyễn Văn C, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2014 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 16 tháng 7 năm 2019. Nay ly hôn giao cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày xx tháng xx năm 20xx cho anh Nguyễn Văn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày xx tháng x năm 20xx cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng cho nuôi con nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

1.3. Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 5;
- Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
- Các bên tham gia hoà giải;
- UBND xã X (UBND xã X cũ, huyện Thanh Chương cũ; số 10/2014; quyền số: 01/2013, ngày 18 tháng 02 năm 2014), tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phan Ngọc Anh